

## BẢNG ĐIỂM

### Toán cơ sở(121)\_LT\_03

Học kỳ: 1\_2021-2022. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

TT	Mã học viên	Họ	Tên	Điểm Kiểm tra thường xuyên
1	215714020110021	ĐẶNG THỊ THÚY	AN	7.8
2	215714020110031	ĐẶNG THỊ MAI	ANH	8.4
3	215714020110135	ĐẬU THỊ LAN	ANH	7.8
4	215714020110131	LÊ THỊ KIỀU	ANH	8.2
5	215714020110007	LÊ THỊ KIM	ANH	7.6
6	215714020110234	NGÔ THỊ VÂN	ANH	4.6
7	215714020110082	NGUYỄN THỊ	ANH	8.6
8	215714020110114	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	8.6
9	215714020110101	TRẦN THỊ LAN	ANH	7.8
10	215714020110226	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	8.8
11	215714020110040	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	8.6
12	215714020110229	VI HỒNG	ANH	8.8
13	215714020110078	TRẦN THỊ	BÍCH	8.2
14	215714020110236	XÔNG Y	BỘ	8.8
15	215714020110026	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	8.6
16	215714020110069	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	8.2
17	215714020110169	VI THỊ LINH	CHI	8.2
18	215714020110216	HOÀNG THỊ KIM	DUNG	4.8
19	215714020110036	HỒ THỊ	DUNG	8.3
20	215714020110042	NGUYỄN NGỌC MỸ	DUYỄN	7.8
21	215714020110113	CAO THỊ HỒNG	GIANG	7.8
22	215714020110001	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	GIANG	8.2
23	215714020110136	HOÀNG THỊ THU	GIANG	9.0
24	215714020110067	NGUYỄN THỊ	GIANG	8.2
25	215714020110206	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	9.8
26	215714020110127	PHẠM THỊ TRÀ	GIANG	8.0
27	215714020110107	VÕ THỊ HƯƠNG	GIANG	8.2
28	215714020110044	ĐINH THỊ	HÀ	8.0
29	215714020110009	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	8.0

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
30	215714020110017	CAO THỊ THÚY	HẰNG	8.0
31	215714020110204	PHẠM THU	HẰNG	8.0
32	215714020110149	PHAN THỊ	HẰNG	8.4
33	215714020110055	HỒ THỊ THU	HÂN	8.0
34	215714020110096	HỒ THỊ NGỌC	HIỀN	8.8
35	215714020110186	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	7.8
36	215714020110073	PHẠM THỊ	HIỀN	7.8
37	215714020110039	PHAN THỊ THÚY	HIỀN	4.8
38	215714020110176	NGUYỄN THỊ HẠNH	HOA	7.8
39	215714020110016	TRẦN THỊ	HOÀI	8.8
40	215714020110141	CAO THỊ	HUYỀN	8.2
41	215714020110085	PHAN THỊ THU	HƯỜNG	4.8
42	215714020110227	TRẦN THỊ	HƯỜNG	9.0
43	215714020110200	NGUYỄN HỒNG	KHUYÊN	8.8
44	215714020110181	LỮ THỊ MỸ	LÊ	7.8
45	215714020110054	BÙI THỊ	LIÊN	8.6
46	215714020110192	HỒ THỊ	LINH	7.8
47	215714020110162	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	8.6
48	215714020110119	NGUYỄN THỊ NHẬT	LINH	8.0
49	215714020110184	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	7.6
50	215714020110217	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	8.4
51	215714020110080	PHẠM THỊ THÙY	LINH	8.2
52	215714020110208	LÊ THỊ KHÁNH	LY	8.8
53	215714020110047	NGUYỄN THỊ	LÝ	7.8
54	215714020110018	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	8.0
55	215714020110219	NGUYỄN THỊ HOA	MAI	8.8
56	215714020110022	VI THỊ THU	MINH	8.2
57	215714020110010	VŨ THỊ	MINH	8.6
58	215714020110059	TRẦN THỊ	MƠ	8.0
59	215714020110077	LƯƠNG THỊ	MÙI	8.6
60	215714020110195	HỒ THỊ TRÀ	MY	7.8
61	215714020110145	LÊ NGUYỄN TRÀ	MY	8.0
62	215714020110086	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	8.2
63	215714020110218	BÙI THỊ THÚY	NGÂN	9.2
64	215714020110076	NGUYỄN THỊ HIẾU	NGÂN	8.4
65	215714020110187	HOÀNG MINH	NGỌC	7.8

<b>TT</b>	<b>Mã học viên</b>	<b>Họ</b>	<b>Tên</b>	<b>Điểm Kiểm tra thường xuyên</b>
66	215714020110038	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	8.2
67	215714020110090	VÕ THỊ MỸ	NGỌC	8.0
68	215714020110103	HOÀNG TRẦN HỒNG	NGUYỄN	9.2
69	215714020110041	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	8.4
70	215714020110222	PHẠM THỊ	NHÂM	7.4
71	215714020110143	BÙI THỊ LINH	NHI	8.6
72	215714020110004	ĐINH THỊ HOÀI	NHI	7.8
73	215714020110105	NGUYỄN HIỀN	NHI	8.0
74	215714020110011	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	8.0
75	215714020110175	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	8.0
76	215714020110084	PHÙNG THỊ YẾN	NHI	8.4
77	215714020110207	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	8.0
78	215714020110023	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	8.0
79	215714020110072	PHẠM THỊ	NHUNG	8.0
80	215714020110043	HỒ THỊ	OANH	9.0

*Nghệ An, ngày 27 tháng 01 năm 2022*

**Trưởng bộ môn**

**Giảng viên**